TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2023/DS -ST
Ngày: 14 - 08 - 2023
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

/- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Minh Hòa
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hồ Đắc Toàn
  Ông Nguyễn Ron
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ Nương
  Thư ký Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
- ***Đại diện VKSND TP. Quy Nhơn tham gia phiên tòa***:
  Bà Tô Thị Bích Trâm - Kiểm sát viên

***

Ngày 14 tháng 08 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 456/2022/TLST - DS, ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp *"hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2022/QĐXX-ST ngày 15/06/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan H, sinh năm: 1960 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1961; Cùng địa chỉ: số nhà 384 đường Tr, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Bị đơn: Ông Mạnh Xuân Đ, sinh năm: 1963 và bà Trần Tứ Phương Qu, sinh năm: 1966; Cùng địa chỉ: số nhà 101 đường L, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Tại phiên toà bà Th, ông Đ và bà Qu vắng mặt (bà Th có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phan H, bà Nguyễn Thị Th trình bày: Vợ chồng ông, bà có quen biết với vợ chồng bà Qu, ông Đ nên giữa năm 2019 vợ chồng ông Đ, bà Qu có đến nhà vay tiền.

Cụ thể: Ngày 13/7/2019 vay 1.350.000.000 đồng; Ngày 16/7/2019 vay 800.000.000 đồng; Ngày 20/7/2019 vay 2.400.000.000 đồng; Ngày 28/7/2019 vay 2.400.000.000 đồng. Các khoản vay đều có mục đích đáo hạn ngân hàng (tính lãi trên ngày) do đó hai bên thỏa Thận lãi vay 4,5%/tháng. Tuy nhiên từ lúc vay cho đến nay ông Đ, bà Qu chưa trả gốc và lãi. Về thời hạn vay: Hai bên thỏa Thận khi nào bà Th cần sẽ báo trước 10 ngày, ông Đ bà Qu có nghĩa vụ trả gốc và lãi. Sau khi vay tiền, cuối năm 2019 ông bà đã nhiều lần đến nhà ông Đ, bà Qu yêu cầu trả nợ nhưng ông Đ, bà Qu cứ hẹn mà không trả. Do đó, vợ chồng ông bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà Qu phải thanh toán số tiền còn nợ gốc 6.950.000.000 đồng và yêu cầu ông Đ, bà Qu trả lãi kể từ ngày 30/8/2019 đến khi Tòa án giải quyết xong với mức lãi suất theo quy định pháp luật.

Tại bản khai ngày 04/05/2023 và các lời khai trong quá trình gải quyết vụ án bị đơn bà Trần Tứ Phương Qu, ông Mạnh Xuân Đ trình bày: Vợ chồng ông bà xác nhận có vay của ông H, bà Th số tiền 6.950.000.000 đồng qua 04 giấy mượn tiền có trong hồ sơ vụ án có chữ viết của bà Trần Tứ Phương Qu, cụ thể: Ngày 13/7/2019 vay 1.350.000.000 đồng; Ngày 16/7/2019 vay 800.000.000 đồng; Ngày 20/7/2019 vay 2.400.000.000 đồng; Ngày 28/7/2019 vay 2.400.000.000 đồng. Mục đích vay để đưa tiền cho bà Phan Thị Ngọc H. Hai bên thỏa Thận lãi vay 4,5%/tháng. Về thời hạn vay: Hai bên thỏa Thận khi nào bà Th cần sẽ báo trước 10 ngày, ông bà có nghĩa vụ trả gốc và lãi.

Về mục đích vay: do quan hệ quen biết giữa bà Qu và bà Phan Thị Ngọc Hoa ở 39 Ngô Quyền, TP. Quy Nhơn, khoảng giữa năm 2018 bà Hoa có nói con gái bà Hoa cần tiền để thành lập Công ty VNA Property Gia Lai nên có mượn tiền của vợ chồng ông bà số tiền 10.400.000.000 đồng. Do tin tưởng nên vợ chồng ông bà có đưa tiền cho bà Hoa mượn. Trong thời gian giữa năm 2018 bà Qu đã nhiều lần vay tiền của bà Th, ông H để đưa lại cho bà Hoa nhưng đã trả xong tiền gốc và lãi cho Th. Sau đó bà Qu có vay tiếp của bà Th 04 lần vào giữa năm 2019 (theo các giấy vay tiền nói trên) để đưa cho bà Hoa vay lại.

Nay vợ chồng ông bà xác nhận có vay tiền bà Th, ông H số tiền 6.950.000.000 đồng đã trả lãi 7.560.000.000 đồng nhưng không cung cấp được tài liệu giấy tờ chứng minh về khoản tiền lãi đã trả, vì quá tin tưởng nên không yêu cầu bà Th viết giấy xác nhận .

Về nguồn tiền để trả nợ cho ông H và bà Th, vợ chồng ông bà đã làm đơn yêu cầu Công an tỉnh Bình Định giải quyết theo quy định buộc bà Hoa trả số tiền 10.400.000.000 đồng để vợ chồng ông bà trả nợ cho ông H, bà Th.

Về phương án trả nợ: Vợ chồng ông bà xin được kéo dài thời hạn trả, định kỳ vào ngày 01 hàng năm kể từ ngày 01/06/2023 vợ chồng bà xin trả mỗi năm 20.000.000 đồng cho đến hết số tiền nợ 6.950.000.000 đồng.

Đối với tiền lãi đã trả bà xác định hiện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: từ khi thụ lý đến phiên tòa xét xử Thẩm phán; Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng các trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 71, 86 BLTTDS. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72, 73 BLTTDS

Về giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị bị đơn phải trả số tiền 6.950.000.000 đồng và lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật (10%/năm) kể từ ngày 30/8/2019 đến ngày xét xử là có căn cứ pháp luật phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định**:**

[1]. Về tố tụng: Bị đơn, bà Trần Tứ Phương Qu và ông Mạnh Xuân Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên toà. Bà Th vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Qu, ông Đ và bà Th.

[2] Về nội dung*:*

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào bản gốc của 04 giấy mượn tiền do bà Qu ghi ngày 13/7/2019, 16/7/2019, 20/7/2019, 28/7/2019 và xác nhận của bà Qu có đủ căn cứ xác định: bà Qu có vay của bà Th số tiền 6.950.000.000 đồng (Ngày 13/7/2019 vay 1.350.000.000 đồng; Ngày 16/7/2019 vay 800.000.000 đồng; Ngày 20/7/2019 vay 2.400.000.000 đồng; Ngày 28/7/2019 vay 2.400.000.000 đồng). Về thời hạn vay, hai bên thoả Thận khi nào bà Th cần sẽ báo trước 10 ngày, ông Đ bà Qu có nghĩa vụ trả gốc và lãi. Bà Th đã nhiều lần yêu cầu bà Qu, ông Đ trả nợ nhưng cho đến nay bà Qu, ông Đ chưa trả là vi phạm hợp đồng. Do đó, ông H, bà Th yêu cầu bà Qu, ông Đ phải trả số tiền còn nợ 6.950.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp với điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

Việc bà Qu vay tiền trong thời kỳ hôn nhân, trong hợp đồng vay không có tên ông Đ nhưng ông Đ biết việc bà Qu vay mượn và xác nhận nợ nên ông Đ phải có trách nhiệm trả nợ cùng bà Qu là phù hợp quy định tại Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Số tiền 6.950.000.000 đồng bà Th cho bà Qu, ông Đ vay là tài sản chung của vợ chồng bà Th, ông H. Căn cứ Điều 33 của Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử buộc vợ chồng bà Qu, ông Đ trả tiền vay cho vợ chồng bà Th, ông H.

[2.2] Về lãi vay: Nguyên đơn, bị đơn thoả Thận lãi vay 4,5%/tháng, tuy nhiên nguyên đơn xác định bị đơn chưa trả lãi còn bị đơn cho rằng đã trả 7.560.000.000 đồng nhưng không cung cấp được tài liệu giấy tờ chứng minh về khoản tiền lãi đã trả, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả, theo quy định tại khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên cần buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả lãi trên số nợ gốc, tương ứng với thời gian chậm trả cho nguyên đơn với mức lãi suất là 10%/năm (tương đương 0,83 %/tháng). Như vậy tiền lãi được tính như sau:

Từ ngày 30/8/2019 đến ngày 14/8/2023 là 1.445 ngày, Tương đương: 6.950.000.000 đồng x 10%/năm x 1.445 ngày = 2.751.438.356 đồng tiền lãi.

Như vậy: Ông Đ, bà Qu phải trả cho ông H, bà Th số tiền 9.701.438.356 đồng (Nợ gốc: 6.950.000.000 đồng, nợ lãi 2.751.438.356 đồng)

[2.3]. Ông Đ, bà Qu xin được trả dần mỗi năm 20.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng không được ông H, bà Th chấp nhận, không phù hợp với Điều 466 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu nói trên của ông Đ, bà Qu

[3].Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí. Ông Đ, bà Qu phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật nhưng ông Đ Thộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí, bà Qu phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ:

- Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 463, Điều 466; Điều 468, Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 33, 37 Luật hôn nhân gia đình.

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức Th, miễn, giảm, Th, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan H, bà Nguyễn Thị Th. Buộc ông Mạnh Xuân Đ và bà Trần Tứ Phương Qu phải trả cho ông H, bà Th số tiền: 9.701.438.356 đồng (Trong đó nợ gốc: 6.950.000.000 đồng, nợ lãi 2.751.438.356 đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Mạnh Xuân Đ và bà Trần Tứ Phương Qu về việc xin được trả nợ dần mỗi năm 20.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền 6.950.000.000 đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Tứ Phương Qu phải chịu án phí DSST 58.850.719 đồng. Ông Mạnh Xuân Đ, ông Phan H, bà Nguyễn Thị Th được miễn toàn bộ án phí do Thộc diện người cao tuổi

4. Quyền kháng cáo: Ông H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Th, ông Đ và bà Qu vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

5.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5.2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định ;

- VKSND TP. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS TP. Quy Nhơn ;
- Các đương sự;
- Lưu án văn.

Trần Thị Minh Hòa